

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST.
Ngày: 08 - 02 - 2022
“V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đàm Thị Thanh Loan.

Bà Lê Thị Thúy Kiều.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thân Mến - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 126/2021/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 11 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 191/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 28/12/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐST-HNGĐ ngày 17/01/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Bùi Chí T**, sinh năm 1990. (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 08, ấp B, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Chị **Võ Thị Cẩm T**, sinh năm 1991. (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 187 ấp M, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện nguyên đơn anh Bùi Chí T trình bày:**

Anh và chị Võ Thị Cẩm T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng và có tổ chức lễ cưới vào tháng 02/2012. Sau đó, hai người tự nguyện đi đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 18/7/2012. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau rất vui vẻ, hạnh phúc và có 02 người con chung tên Bùi Thị Vân A, sinh ngày 18/10/2012 và Bùi Võ Phương A, sinh ngày 07/8/2014, hiện con chung đang sống

chung với chị T. Đến cuối năm 2014 thì giữa chúng tôi phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong lối sống, thường xuyên xảy ra cự cãi với nhau nên chị T đã về sinh sống bên mẹ ruột từ cuối năm 2014 đến nay. Trong quá trình chung sống thì giữa anh với chị T không có tài chung, nợ chung. Nay nhận thấy giữa anh với chị T không còn tình cảm nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về hôn nhân: anh xin được ly hôn với chị Võ Thị Cẩm T.

- Về con chung: anh đồng ý giao 02 con chung tên Bùi Thị Vân A, sinh ngày 18/10/2012 và Bùi Võ Phương A, sinh ngày 07/8/2014 cho chị T nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng của vợ chồng khi ly hôn: Tự thỏa thuận, không yêu cầu xem xét và giải quyết.

*** Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/12/2021 bị đơn chị Võ Thị Cẩm T trình bày:**

Chị thống nhất với lời trình của anh Bùi Chí T về quan hệ hôn nhân, con chung và tài sản chung. Do cuộc sống vợ chồng không hợp nhau nên giữa chị với anh T đã ly thân từ năm 2014 đến nay. Nay anh T yêu cầu ly hôn thì chị cũng đồng ý. Về con chung chị đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Bùi Thị Vân A, sinh ngày 18/10/2012 và Bùi Võ Phương A, sinh ngày 07/8/2014 chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung và cấp dưỡng vợ chồng khi ly hôn tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Quan điểm kiểm sát của đại diện Viện kiểm sát như sau:

- Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng và đầy đủ các quy định về xác định thẩm quyền, thu thập chứng cứ, yêu cầu đương sự cung cấp chứng cứ, thủ tục tổng đạt văn bản tố tụng, thời hạn chuẩn bị xét xử; Đồng thời tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) và Thư ký tuân thủ trình tự tố tụng tại phiên tòa. Về nội dung: Về hôn nhân đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T về việc xin ly hôn với chị T; Về con chung đề nghị HĐXX giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Bùi Thị Vân A, sinh ngày 18/10/2012 và Bùi Võ Phương A, sinh ngày 07/8/2014 đến tuổi trưởng thành; Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn các đương sự không yêu cầu nên đề nghị HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con chung đồng thời bị đơn có địa chỉ ấp M, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng nên xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn (có đơn xin xét xử vắng mặt) và bị đơn. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ lần thứ 2 nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý

do. Nên HĐXX căn cứ theo quy định tại khoản 1 khoản 3 Điều 228 xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

- *Về nội dung:*

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* nguyên đơn và bị đơn thống nhất cả hai đều tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện T cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 18/7/2012. Lời trình bày của các đương sự phù hợp với tài liệu đã cung cấp là giấy chứng nhận kết hôn số 117/2012 ngày 18/7/2012 (BL 06) nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Theo nguyên đơn trình bày do cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên hiện giữa hai người đã ly thân với nhau từ năm 2014 đến nay. Xét thấy, vợ chồng có nghĩa vụ sống chung, thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, do cuộc sống của vợ chồng của nguyên đơn và bị đơn thường xuyên phát sinh mâu thuẫn làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Đồng thời, tại biên bản lấy lời khai ngày 06/12/2021 bị đơn cũng đồng ý ly hôn với nguyên đơn. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 55 và khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình HĐXX chấp nhận nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

[4] *Về con chung:* Các đương sự đều thừa nhận có 02 người con chung tên Bùi Thị Vân A, sinh ngày 18/10/2012 và Bùi Võ Phương A, sinh ngày 07/8/2014, hiện hai đứa con chung đang sống với bị đơn. Nguyên đơn đồng ý giao 02 người con chung cho bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Xét thấy, hiện các con chung có cuộc sống ổn định cùng với bị đơn. Đồng thời, bị đơn cũng đồng ý nuôi dưỡng 02 con chung đến tuổi trưởng thành. Ngoài ra, theo nguyện vọng của các con chung là khi cha mẹ ly hôn thì muốn sinh sống với mẹ. Do đó, HĐXX giao 02 người con chung tên Bùi Thị Vân A, sinh ngày 18/10/2012 và Bùi Võ Phương A, sinh ngày 07/8/2014 cho bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Dành quyền cho nguyên đơn được chăm sóc, nuôi dưỡng, thăm nom con chung mà không ai được cản trở nguyên đơn thực hiện quyền này.

[5]. *Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:* nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[6]. *Về tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn:* Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[7]. Đề nghị của vị Kiểm sát viên về hướng giải quyết vụ án nêu trên là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong vụ án và đúng quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[8] *Về án phí:* Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án..

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 khoản 3 Điều 228, Điều 271 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 55, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình và điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn anh Bùi Chí T được ly hôn với bị đơn chị Võ Thị Cẩm T.

2. Về con chung: Giao con chung tên Bùi Thị Vân A, sinh ngày 18/10/2012 và Bùi Võ Phương A, sinh ngày 07/8/2014 cho chị Võ Thị Cẩm T trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 (mười tám) tuổi.

Dành quyền cho anh Bùi Chí T được chăm sóc, nuôi dưỡng, thăm nom con chung mà không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét.

4. Về tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Nguyên đơn anh Bùi Chí T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0002511 ngày 01/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- UBND thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Phước Toàn

